

Số: 64 /2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 23456/TTr-SNNMT-TNNKS ngày 27 tháng 7 năm 2026 về việc ban hành Quyết định quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên

biển thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, cơ quan, đơn vị và cá nhân khác liên quan đến việc thu và nộp tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển

1. Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để nhận chìm: 20.000 đồng/m³.
2. Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ: 7.500.000 đồng/ha/năm.
3. Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng cáp treo, các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, xây dựng dân dụng và các công trình khác trên biển: 7.500.000 đồng/ha/năm.
4. Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống đường ống dẫn ngầm, cáp điện: 7.500.000 đồng/ha/năm.
5. Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng cá: 7.500.000 đồng/ha/năm.
6. Nhóm 6: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu và các hoạt động sử dụng khu vực biển khác: 7.500.000 đồng/ha/năm.
7. Trường hợp trong cùng một khu vực biển có nhiều hoạt động sử dụng khu vực biển theo các mục đích khác nhau nhưng không xác định được diện tích riêng cho mỗi mục đích sử dụng thì áp dụng mức thu cao nhất trong số các mục đích sử dụng để tính tiền sử dụng khu vực biển trong khu vực biển được giao cho tổ chức, cá nhân.
8. Đối với những hoạt động sử dụng khu vực biển chưa có quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể theo mức thu tiền sử dụng khu vực biển tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều này, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể nhưng không thấp hơn 3.000.000 đồng/ha/năm và không cao hơn 7.500.000 đồng/ha/năm.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2026 và có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau:

- Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2024 - 2029 thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân Thành phố trên toàn bộ địa giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp.

- Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2024 - 2029 thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Trưởng Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Đoàn thể Thành phố;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Phòng Đô thị;
- Lưu: VT, (ĐT-PVH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Minh Thạnh